

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 895/2023/HS-PT

Ngày 27/11/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn

Các Thẩm phán: 1/ Ông Ngô Đức Thọ

2/ Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Nguyễn Vi Dũng, Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong các ngày 24 và 27 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 616/2023/TLPT-HS ngày 17 tháng 8 năm 2023. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu D, Phan Thanh N, Huỳnh Văn H, Võ Minh T, Đoàn Thị D1, Đoàn Văn T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2023/HS-ST ngày 10/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo kháng cáo:

1/ Nguyễn Hữu D (D), sinh ngày 26/9/2002 tại tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Số E, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1979 và bà Lê Thị L, sinh năm 1983; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Ngày 08/4/2022; Tạm giam: Ngày 15/4/2022 (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo D: Luật sư Nguyễn Huỳnh Văn K của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (Có mặt).

2/ Phan Thanh N (Nhật Cú), sinh ngày 17/5/2004 tại tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: 830, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phan Thanh P, sinh năm 1979 và bà Dương Thị N1, sinh năm

1982; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Ngày 08/4/2022; Tạm giam: Ngày 15/4/2022 (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo N: Luật sư Đinh Yến N2 của Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (Có mặt).

3/ Huỳnh Văn H, sinh ngày 24/01/2005 tại tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: 11, ấp B, xã B, T, Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Huỳnh Văn N3, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị N4, sinh năm 1987; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Ngày 08/4/2022; Tạm giam: Ngày 15/4/2022 (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo H: Luật sư Đỗ Quốc H1 của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (Có mặt).

4/ Võ Minh T (Thúi), sinh ngày 15/6/2002 tại tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: số A, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Võ Văn T2, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1973; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

5/ Đoàn Thị D1, sinh ngày 01/01/1999 tại tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Đoàn Văn T3, sinh năm 1971 và bà Võ Thị Đ, sinh năm 1973; Bị cáo chưa chồng con; Tiền án tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

6/ Đoàn Văn T1, sinh ngày 14/02/2005 tại tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Đoàn Văn T3, sinh năm 1971 và bà Võ Thị Đ, sinh năm 1973; Bị cáo chưa vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Trong vụ án này còn có các bị cáo: Nguyễn Văn Trung V, Lê Trần Phát T4, Phan Đăng K1, Trương Văn K2, Võ Văn T5, Phạm Văn H2 không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, vụ án có nội dung như sau:

Phạm Mỹ H3, nhắn tin và gọi M vào tài khoản Facebook của Đoàn Văn T1 dẫn đến cự cãi chửi nhau có Nguyễn Hữu D và nhiều người bạn của H3 ngồi uống nước chung nghe biết.

Đoàn Văn G1 (là anh ruột T1) biết được nên gọi điện và chửi nhau với H3 dẫn đến mâu thuẫn rồi cả hai hẹn gặp nhau tại cầu T thuộc khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để giải quyết mâu thuẫn trước đó.

Khoảng 21 giờ, ngày 04/4/2022, Phạm Mỹ H3 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision biển số 66B1-60473 chở Lâm Ngọc Bảo C, rủ thêm Nguyễn Hoàng M1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu cub 50, biển số 66BA-01150 chở theo Nguyễn Anh K3 và Phát N5, (K3 có cầm 1 con dao); Huỳnh Mộng N6 (N) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha (chưa rõ biển số) chở Nguyễn Thị Tuyết N7; Phan Đăng K1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream biển số 66B1-09712 chở Nguyễn Hữu D (mỗi người có cầm theo 1 con dao) đi đến cầu T để gặp Đoàn Văn G1 và Đoàn Văn T1.

Khi nhóm của H3 (gồm 9 người) đến cầu T thì G1, Phạm Văn H2 mỗi người cầm 01 ống tuýp sắt, T1 cầm vỏ chai bia S, Đoàn Thị D1 không cầm hung khí chạy ra đuổi đánh, nên nhóm của H3 bỏ chạy để lại hiện trường 01 xe mô tô 66B1-09712, H2 cầm tuýp sắt đập xe mô tô này làm hư hỏng nhẹ phần mũ bên ngoài.

Khoảng 20 phút sau, Phát N5 quay lại hiện trường lấy xe mô tô 66B1-09712 đem về, lúc này D1 về nhà rút xăng trong xe mô tô đổ vào vỏ chai bia rồi dùng giẻ rách làm ngòi bơm xăng tự chế, đợi nhóm của H3 quay lại để tiếp tục đánh trả.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, D gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Trung V, sinh ngày 09/10/2006 nói lại với các bị cáo Huỳnh Văn H, Phan Thanh N, Võ Minh T, Lê Trần Phát T4 việc D bị đánh và kêu đến quán cà phê bà Q ở thị trấn T gặp Nguyễn Hữu D, Phan Đăng K1 và Trương Văn K2. D nói: “Hồi nãy anh bị nhóm người ở cầu T đánh, bây giờ anh em mình đem theo 03 két vỏ chai nước ngọt lên đánh lại tụi nó”, cả nhóm đồng ý sử dụng 04 xe mô tô, mỗi xe 02 người mang theo 03 két vỏ chai nước ngọt, 02 con dao đến nhà của G1.

Khi vừa qua cầu đal, cả nhóm xuống xe cầm theo hung khí đi bộ đến cách nhà G1 khoảng 20 mét thì bị nhóm của Giàng chặn lại. Lúc này nhóm D gồm H, V, N, T, T4, K1, K2 cầm vỏ chai nước ngọt, dao phóng lộn, đá lượm trên đường ném vào nhóm của G1. Nhóm của G1 cầm chia loại có 07 mũi nhọn, D1 cầm bom xăng tự chế bằng vỏ chai bia S bằng thủy tinh, Lê Thị H4, Võ Văn T5 và Phạm Văn H2 đều cầm vỏ chai bia S bằng thủy tinh ném vào nhóm của D. Hai nhóm cầm hung khí ném, đuổi đánh nhau và có lời nói thách thức la chửi lớn tiếng trong thời gian dài.

Trong khi ẩu đả nhau thì T bị nhóm của G1 ném bom xăng làm miếng thủy tinh văng trúng vào chân bị thương, nên nhóm của D bỏ chạy khỏi hiện trường, nhóm của Giàng đuổi đánh nhóm của D đến cầu đal dừng lại. Nhóm của D chở T đến Bệnh viện huyện T may vết thương rồi giải tán về nhà ngủ.

Khoảng 23 giờ, ngày 05/04/2022, Nguyễn Hữu D gọi điện thoại H, N, V đến quán cà phê bà Q ở thị trấn T gặp D để cùng nhau đến nhà của G1 đánh trả thù. D đã chuẩn bị sẵn hung khí cho cả nhóm. D cầm 01 dao tự chế và 01 khẩu súng loại ổ xoay, N cầm 01 ống tuýp sắt tròn, V và H mỗi người cầm 01 ná thun và khoảng 10 viên đạn keo tròn bằng thủy tinh rồi đi bằng 02 xe mô tô đến nhà của Đoàn Văn G1.

D bắn 03 phát súng lên trời, N cầm gạch đá ném, V và H cầm ná thun bắn đạn keo vào nhà của G1 với lời nói thách thức la lối, chửi thề thô tục lớn tiếng. Lúc này, G1 cầm 01 cây dao phóng lợn từ trong nhà chạy đến nơi D và N đang đứng, thì bị V và H cầm ná thun bắn đạn keo trúng vào người của G1 02 đến 03 cái, D cầm dao chém vào vùng đầu và người của G1, N cầm tuýp sắt đánh 02 cái vào vùng đầu làm cho Giàng gục xuống đường nằm bất tỉnh. T1 cầm ống nhựa B từ nhà chạy ra thì bị V và H cầm ná thun bắn trúng vào người 02 cái, D cầm dao đuổi đánh nên T1 bỏ chạy, T5 cầm thanh gỗ vuông chạy ra thì bị D dùng tay đánh té ngã xuống kênh nước.

Ông Đoàn Văn T3 nghe tiếng tri hô của bà Võ Thị Đ (ông T3, bà Đ là cha, mẹ ruột G1) là: “Nói giết con tôi rồi”, nên ông T3 chạy ra thì bị D dùng tay đánh trúng 02 cái vào lưng nên ông T3 bỏ chạy. Đoàn Thị D1 điều khiển xe mô tô biển số 66BA-00740 đến nơi để chở G1 đi cấp cứu, thì bị D dùng chân đạp ngã xe, N cầm tuýp sắt đập xe 66BA-00740 bị hư hỏng nhẹ. Lúc này D1 quỳ xuống van xin: “Làm ơn cho tôi chở em tôi đi bệnh viện” nhưng các bị cáo không đồng ý. N đưa tuýp sắt cho H và V mỗi người đánh 02 cái vào vai và lưng của D1.

Do bị đánh, D1 chạy vào nhà lấy bom xăng chế ném vào nhóm của D nên nhóm D lên xe mô tô rời khỏi hiện trường, còn G1 được gia đình đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đ cấp cứu và điều trị đến ngày 08/4/2022 thì tử vong.

Sau khi phạm tội, các bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 08/4/2022 D, N, H, V đến Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp đầu thú, thừa nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện.

Hiện trường vụ án là đoạn đường nhựa N, mặt đường rộng 3,7m thuộc khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Khu vực này có đông dân cư sinh sống, hướng B đi đến Quốc lộ C cầu T, hướng Nam đi đến cầu đal Trần Văn N8 chợ T7, hướng Đông tiếp giáp với kênh T và nhà ông Võ Văn K4 nằm cặp kênh, hướng tây tiếp giáp với dãy nhà dân.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 146/KL-KTHS ngày 14/4/2022 của Phòng K5 Công an tỉnh Đ kết luận:

Dấu hiệu chính qua giám định Đoàn Văn G1 có các tổn thương như sau: vết rách da giữa trán, vết rách da thái dương phải, bầm tụ máu dưới da toàn bộ trán,

đỉnh, chằm, thái dương phải, vòm sọ nứt từ thái dương phải sang thái dương trái, tụ máu lan tỏa dưới màng cứng hai bán cầu đại não số lượng nhiều, dập não, xuất huyết não hai bán cầu đại não, phù não bán cầu trái, đẩy lệch đường giữa sang phải, trong hộp sọ chứa nhiều máu loãng lẫn máu cục màu đỏ sẫm. Ket luận nạn nhân chết do chấn thương sọ não nặng.

Vật chứng thu giữ gồm:

Một con dao cán và lưỡi bằng kim loại màu trắng sáng, lưỡi dao sắc bén dài 38cm, rộng 05cm, cán dao dài 12cm.

Hai mươi viên đạn bằng thủy tinh hình tròn đường kính 1,5cm.

Một ống nhựa loại Bình Minh đường kính 2,1cm, chiều dài 26,5cm.

Một khúc gỗ vuông bị mục và cháy đen, chiều dài 83cm, rộng 9,5cm, cao 05cm.

Một cây ná thun cán bằng gỗ dài 13cm, dây thun màu xanh, chiều dài ná thun mỗi bên là 14cm.

Một cây ná thun cán bằng gỗ dài 17cm, dây thun màu xanh, chiều dài ná thun mỗi bên là 14cm.

Một lưỡi dao bằng kim loại, có cán gỗ bị gãy, mũi dao nhọn, lưỡi dao sắc bén, chiều dài lưỡi dao 13cm, nơi rộng nhất lưỡi dao 4,7cm, cán gỗ bị gãy dài 04cm, đường kính 02cm.

Một lưỡi mác bằng kim loại có mũi nhọn, lưỡi sắc bén, chiều dài 19cm, nơi rộng nhất 05cm.

Một ống tuýp bằng kim loại hình tròn, đường kính 2,7cm, chiều dài 02m; Nhiều mảnh vỏ lu xanh xừ.

Một cây dao tự chế loại dao phóng lợn, cán bằng ống tuýp kim loại tròn đường kính 2,7cm, chiều dài 152cm, lưỡi bằng kim loại hình lưỡi mác nhọn, chiều dài lưỡi mác 18,5cm, nơi rộng nhất của lưỡi mác 5,5cm.

Một cây chia loại có 07 mũi nhọn bằng kim loại, chiều dài của mỗi mũi chia là 21cm, cán bằng gỗ tre dài 371cm, đường kính 03cm;

Một vỏ két nước ngọt bằng nhựa cứng màu Giàng có chữ Number 1 bên trong có 12 vỏ chai bằng thủy tinh.

Một con dao tự chế bằng kim loại, sóng dao hình răng cưa, mũi bằng, cán quấn băng keo đen dài 15cm, lưỡi dao dài 41cm, bề rộng lưỡi dao 4,5cm.

Một con dao cán nhựa màu đen dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 27cm.

Hai vỏ chai bia S bằng thủy tinh.

Ba chiếc dép quai kẹp đã cũ.

Một áo thun màu đen, tay ngắn, cổ tròn.

Một quần Jean màu đen.

Tại Bản kết luận giám định số 555/KL-KTHS ngày 04/7/2022 của Phòng K5 Công an tỉnh Đ, có nội dung:

Khẩu súng cần giám định ký hiệu A1 là súng tự chế bắn đạn cỡ 5,5mm, thuộc vũ khí quân dụng.

Viên đạn cần giám định ký hiệu A2 là đạn cỡ (5,6 x 15,5)mm, loại đạn này thuộc vũ khí thể thao, sử dụng được cho khẩu súng ký hiệu A1.

Vỏ đạn cần giám định ký hiệu A3 là vỏ đạn của loại đạn cỡ (5,6 x 15,5)mm, loại đạn này thuộc vũ khí thể thao.

Tại Cáo trạng số 38/CT-VKSĐT- P2 ngày 30/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, có nội dung:

Truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu D, Phan Thanh N, Huỳnh Văn H về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Truy tố bị cáo Võ Minh T, Đoàn Thị D1, Đoàn Văn T1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2023/HS-ST ngày 10/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã tuyên xử:

1/ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu D, Phan Thanh N, Huỳnh Văn H cùng phạm các tội “Giết người” và “Gây rối trật tự công cộng”

1.1/ Đối với bị cáo Nguyễn Hữu D: Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điểm e, o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D tù chung thân về tội “Giết người”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Hữu D phải chịu hình phạt chung của 02 tội là tù chung thân.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của bị cáo Nguyễn Hữu D trong vụ án này với hình phạt 02 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2022/HS-ST ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu D phải chấp hành hình phạt chung là tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2022.

1.2/ Đối với bị cáo Phan Thanh N: Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Thanh N 13 năm tù về tội “Giết người”; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và

khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Thanh N 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phan Thanh N phải chịu hình phạt chung của 02 tội là 15 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2022.

1.3/ Đối với bị cáo Huỳnh Văn H: Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H 12 năm 09 tháng tù về tội “Giết người”; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Huỳnh Văn H phải chịu hình phạt chung của 02 tội là 14 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2022.

1.4/ Đối với bị cáo Võ Minh T: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Minh T 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.5/ Đối với bị cáo Đoàn Thị D1: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Thị D1 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.6/ Đối với bị cáo Đoàn Văn T1: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T1 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, còn xử phạt các bị cáo khác trong vụ án gồm: Nguyễn Văn Trung V, 7 năm tù về tội “Giết người”; Lê Trần Phát T4, 2 năm 9 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; Phan Đăng K1, Trương Văn K2, Võ Văn T5, mỗi bị cáo 2 năm 6 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; Phạm Văn H2, 2 năm 3 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề về tang vật, án phí và trách nhiệm bồi thường dân sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12, 13 và ngày 20/7/2023, các bị cáo Nguyễn Hữu D, Phan Thanh N, Huỳnh Văn H, Võ Minh T, Đoàn Thị D1, Đoàn Văn T1, có làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Mức án sơ thẩm quá nặng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, xin được giảm nhẹ mức án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Hữu D, Phan Thanh N, kháng cáo lúc đầu trình bày thì xin được xem xét giảm án, nhưng sau đó các bị cáo cho rằng các bị cáo có làm đơn tố giác đối với những người có tham gia vào vụ việc đánh nhau và gây rối, yêu cầu xem xét lại trách nhiệm và xem xét lại đối với những người mà các bị cáo có làm đơn tố giác và đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại cho các bị cáo.

Luật sư Nguyễn Huỳnh Văn K bào chữa cho bị cáo D cho rằng, ở phần nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm không phù hợp với diễn biến xảy ra vụ việc. Có nhiều lời khai của các bị cáo không thống nhất về việc không thấy D có đánh nạn nhân. Cơ quan điều tra đã không thực nghiệm điều tra là thiếu sót. Quá trình thu thập vật chứng có trong hồ sơ không xác định được từng vật chứng là của ai đã sử dụng. Vì vậy, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Luật sư Đinh Yến N2 bào chữa cho bị cáo Phan Thanh N cho rằng, các bị cáo đã có đơn tố giác đối với những người có liên quan trong vụ việc. Tại cấp phúc thẩm không có điều kiện để xác minh, thu thập, điều tra, làm rõ, nên Luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Bị cáo Huỳnh Văn H thừa nhận mình có tham gia trong vụ việc, nhưng không gây ra cái chết cho nạn nhân, nên đề nghị xem xét lại đối với tội trạng cho bị cáo mức án nhẹ.

Luật sư Đỗ Quốc H1 bào chữa cho bị cáo H cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm nên đề nghị hủy án vì các lý do sau đây: Nhiều lời khai có trong hồ sơ thể hiện rằng ngoài bốn bị cáo D, N9, H, V thì còn có nhiều người khác tham gia trong vụ việc đánh nhau, nhưng cấp sơ thẩm đã không thực hiện việc điều tra, xác minh làm rõ.

Bị cáo Võ Minh T, bị cáo Đoàn Thị D1, bị cáo Đoàn Văn T1 thì xin xem xét được giảm nhẹ và xin được án treo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân thật thà khai báo, ăn năn hối hận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng: Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng cũng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định; Về nội dung giải quyết kháng cáo: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm đã thực hiện các trình tự, thủ tục tố tụng đầy đủ. Hiện nay, các bị cáo nại ra là có những người khác tham gia. Vấn đề này Viện kiểm sát xét thấy nếu Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cấp sơ thẩm có điều kiện tiếp tục xác minh làm rõ để thực hiện theo yêu cầu của các bị cáo theo luật định. Riêng đối với mức án cũng như

hình phạt xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội. Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, nghe bị cáo trình bày, nghe Đại diện Viện kiểm sát và luật sư phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục kháng cáo:* Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu D, Phan Thanh N, Huỳnh Văn H, Võ Minh T, Đoàn Thị D1, Đoàn Văn T1 làm trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] *Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:*

[2.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện giống như cáo trạng và kết luận điều tra đã miêu tả.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo cũng đã khai nhận đầy đủ đối với hành vi của mình phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, kết quả xem xét các dấu vết trên thân thể của các bị cáo cũng như bị hại, lời khai của những người liên quan, những người làm chứng, biên bản nhận dạng và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định các bị cáo thực hiện hành vi giết người và hành vi gây rối trật tự công cộng trong hai đợt của đêm ngày 04/4/2022 và xảy ra vào đêm ngày 05/4/2022 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Đối với hành vi rượt đuổi đánh nhau ở đợt 1 của đêm ngày 04/4/2022 xảy ra lúc 21g do sự việc diễn ra nhanh chóng, không có đánh nhau, mức độ ảnh hưởng không đáng kể, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với các hành vi của đợt 1 này là phù hợp.

[2.3] Sau khi vụ việc bị nhóm người của bị cáo Đoàn Văn T1, Đoàn Thị D1, Phạm Văn H2 và Đoàn Văn G1 rượt đuổi đợt 1 chấm dứt vào đêm 04/4/2022 thì Nguyễn Hữu D lại tiếp tục thực hiện đợt 2 như sau:

D đã rủ rê, tập hợp các bị cáo Phan Thanh N, Huỳnh Văn H, Nguyễn Văn Trung V, Võ Minh T, Lê Trần Phát T4, Phan Đăng K1, Trương Văn K2 chuẩn bị hung khí như dao, vỏ chai nước ngọt, xe mô tô, lượm gạch đá tại hiện trường, rồi cùng nhau quay lại rượt đuổi đánh nhau với nhóm của các bị cáo D1, T1, H2, T5 và bị hại G1.

Lần này các bị cáo D1, T1, H2, T5 và bị hại G1 đã sử dụng vỏ chai bia S, sử dụng bom xăng tự chế, tuýt sắt, chĩa; hai nhóm ném vỏ chai, bom xăng, gạch đá qua lại la hét, chửi thề rượt đuổi gây mất trật tự an ninh tại địa phương trong

khoảng thời gian dài. Đến khi nhóm của D bị nhóm của bị cáo D1, T1 rượt đuổi, chạy khỏi hiện trường thì sự việc mới được kết thúc.

[2.4] Sự việc sau đó tạm yên thì đến hôm sau, vào ngày 05/4/2022, một lần nữa bị cáo D lại tiếp tục lôi kéo, rủ rê các bị cáo khác như Phan Thanh N, Huỳnh Văn H, Nguyễn Văn T6 Vĩnh tiếp tục tập hợp, chuẩn bị hung khí, vũ khí để tấn công vào nhóm của bị cáo D1, T1, T5 và bị hại G1. Nguyễn Hữu D có mang theo dao tự chế, mang theo súng. Bị cáo N thì cầm ống tuýt. Các bị cáo Huỳnh Văn H, Nguyễn Văn Trung V thì cầm ná thun và đạn keo.

Lúc này Đoàn Văn G1 (là người bị hại) cũng có cầm dao phóng lộn. Bị cáo T1 thì cầm ống nhựa. Bị cáo Võ Văn T5 thì cầm thanh gỗ vuông. Các bị cáo tiếp tục la hét, chửi bới thô tục, lớn tiếng ném gạch đá vào nhau, bắn đạn keo gây mất trật tự, riêng D còn có hành vi dùng súng bắn chỉ thiên ba phát, khẩu súng này được xác định là khẩu súng tự chế.

Hành vi của các bị cáo gây hoang mang trong cộng đồng dân cư xung quanh hiện trường, G1, T1, T5 đã cầm hung khí xông vào đánh nhau với nhóm của D. Khi G1 chạy đến thì bị cáo Nguyễn Văn Trung V, bị cáo Huỳnh Văn H đã cầm ná thun bắn đạn keo trúng vào người của Giàng 2,3 cái, còn D thì cầm dao chém vào đầu, vào cằm, vào lưng của G1, bị cáo N thì cầm tuýt sắt đánh vào đầu của G1 làm cho Giàng gục xuống bất tỉnh. Bị cáo D1 chạy xe mô tô đến chỗ G1 nhằm mục đích đưa G1 đi cấp cứu thì D đạp ngã xe của D1. N cầm tuýt sắt đạp làm hư hỏng xe Diệu, D1 có van xin thì N đưa tuýt sắt cho H đánh D1. Đánh xong, H đưa tuýt sắt cho V tiếp tục đánh D1, D1 chạy vào nhà lấy hai chai bom xăng tự chế ném vào các bị cáo D, N, H, V. Các bị cáo này đã bỏ chạy thì D1 mới đưa được G1 đi cấp cứu.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định hành vi của bị cáo D, bị cáo N, bị cáo H, bị cáo V cùng cố ý dùng hung khí để tấn công như bắn ná thun, đạn bi, chém, đánh vào nhiều vị trí trọng yếu trên cơ thể của bị hại Đoàn Văn G1 làm cho Giàng gục xuống bất tỉnh tại hiện trường, G1 bị các tổn thương như rách da giữa trán, rách da thái dương phải, bầm tụ máu dưới da toàn bộ trán, đỉnh chẩm thái dương phải, nứt sọ từ thái dương trái sang thái dương phải, tụ máu, lan tỏa màng cứng hai bán cầu đại não, dập não, xuất huyết não, phù não. Hậu quả là làm cho G1 tử vong do chấn thương sọ não nặng.

[2.5] Theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự quy định: “Người nào giết người mà có hành vi côn đồ thì bị xử phạt từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình”.

Trong vụ này, các bị cáo đã thực hiện hành vi giết người mang tính chất đồng phạm, trong đó bị cáo Nguyễn Hữu D giữ vai trò cầm đầu, rủ rê, lôi kéo và tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Phan Thanh N là trực tiếp dùng hung

khí là ông tuýt đánh nhiều cái vào đầu của G1. Theo kết luận giám định, thì các tổn thương của bị hại Giàng chủ yếu là tại vùng đầu. Ngoài ra, bị cáo N cũng là người đưa tuýt sắt cho bị cáo Huỳnh Văn H, bị cáo Nguyễn Văn Trung V đánh bị cáo D1 khi D1 van xin cho đưa bị hại Giàng đi cấp cứu.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo N phạm tội có tính chất manh động, quyết liệt, bị cáo H, bị cáo V trực tiếp thực hiện hành vi dùng ná thun, bắn đạn keo nhiều cái vào người G1 làm G1 bị thương, tạo điều kiện cho D, N đánh G1. Ngoài ra, H, V còn tiếp nhận tuýt sắt từ N rồi chuyển tay nhau thay phiên đánh D1 khi D1 đưa G1 đi cấp cứu, hành vi trên của các bị cáo thể hiện tính chất quyết liệt, cố ý thực hiện tội phạm đến cùng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về hình phạt và mức án đối với tội giết người như đã nêu trên là có căn cứ, hợp pháp, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu, lời khai có trong hồ sơ, trong đó cũng có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hoài nại rằng, có tham gia nhưng không gây ra cái chết cho nạn nhân, đề nghị xem xét lại. Vấn đề này Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo với vai trò đồng phạm giúp sức với mức án đối với bị cáo là phù hợp.

Đối với bị cáo D, bị cáo N, bị cáo Hoài nại rằng, đã có đơn tố giác còn có người khác tham gia Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm.

Xét thấy, đơn tố giác của các bị cáo đều xác định các bị cáo có hành vi tham gia vào việc đánh nhau, tuy nhiên, không trực tiếp gây ra cái chết cho bị hại. Đối với bị cáo D, N thì xác định còn có nhiều người khác tham gia. Tuy nhiên, lời khai của các bị cáo, của những người chứng kiến sự việc, qua kết quả khám nghiệm hiện trường và kết quả khám nghiệm tử thi đã xác định nguyên nhân cái chết của bị hại G1 là do các bị cáo gây ra. Nếu cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cấp sơ thẩm có đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để xác định tội phạm theo đơn tố giác của các bị cáo, thì tiếp tục giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

[2.6] Ngoài ra, hành vi của các bị cáo D, N, H, T4, K1, K2, T, T5, H2, D1 và T1 trong hai phe đánh nhau còn gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, phá hoại cuộc sống, sinh hoạt ổn định tại cộng đồng, gây mất trật tự an ninh, ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của những người dân xung quanh, hành vi trên đã đủ cơ sở để cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” như đã nêu trên là phù hợp, trong đó có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xem xét đến nhân thân và hoàn cảnh phạm tội của từng bị cáo, xử phạt bị cáo

D, bị cáo N, bị cáo H, bị cáo T, bị cáo D1 và bị cáo T1 với mức án nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.7] Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài những lời nại cho rằng có những người khác tham gia trong vụ việc, những lời nại về hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân đã thấy được tội lỗi, các bị cáo cũng không đưa ra được những tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, không có cơ sở đề cấp phúc thẩm chấp nhận.

[3] *Về án phí hình sự phúc thẩm*: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên các bị cáo có kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bởi các lẽ trên; Căn cứ Điều 355 Bộ Luật tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu D, Phan Thanh N, Huỳnh Văn H, Võ Minh T, Đoàn Thị D1, Đoàn Văn T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1/ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu D, Phan Thanh N, Huỳnh Văn H cùng phạm các tội “Giết người” và “Gây rối trật tự công cộng”.

1.1/ Đối với bị cáo Nguyễn Hữu D:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điểm e, o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D tù chung thân về tội “Giết người”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Hữu D phải chịu hình phạt chung của 02 tội là tù chung thân.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của bị cáo Nguyễn Hữu D trong vụ án này với hình phạt 02 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2022/HS-ST ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu D phải chấp hành hình phạt chung là tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2022.

1.2/ Đối với bị cáo Phan Thanh N:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Thanh N 13 năm tù về tội “Giết người”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Thanh N 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phan Thanh N phải chịu hình phạt chung của 02 tội là 15 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2022.

1.3/ Đối với bị cáo Huỳnh Văn H:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H 12 năm 09 tháng tù về tội “Giết người”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Huỳnh Văn H phải chịu hình phạt chung của 02 tội là 14 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2022.

1.4/ Đối với bị cáo Võ Minh T:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Minh T 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.5/ Đối với bị cáo Đoàn Thị D1:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Thị D1 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.6/ Đối với bị cáo Đoàn Văn T1:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T1 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Hữu D, Phan Thanh N, Huỳnh Văn H, Võ Minh T, Đoàn Thị D1, Đoàn Văn T1, mỗi người phải nộp số tiền 200.000đồng.

3/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- VKSND tỉnh Đồng Tháp.
- TAND tỉnh Đồng Tháp.
- Công an tỉnh Đồng Tháp.
- Trại TG Công an tỉnh Đồng Tháp.
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp.
- Những người tham gia tố tụng.
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp.
- Lưu VP; HS vụ án, TK: NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN